

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 57/2018/HNGĐ-ST

Ngày 07-11-2018

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ-TỈNH TRÀ VINH

-Thành phần Hội Đồng Xét Xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Oanh Kiều

Ông Thạch Tấn Thành

-Thư ký phiên tòa: Bà Tiết Thị Long-Thư ký tòa án nhân dân huyện Trà Cú-tỉnh Trà Vinh.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công kh vụ án thụ lý số 294/ 2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Trần Thị H; Sinh năm 1972.

-Bị đơn: Anh La Văn L; Sinh năm 1968.

Cùng cư trú tại: Ấp Đ, xã An Q, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2018 và các biên bản hoà giải tại Toà án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày và có yêu cầu như sau: Vào năm 1992, do quen biết trước nên chị và anh La Văn L tự nguyện xác l quan hệ hôn nhân, được h bên gia đình tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Q vào ngày 17/4/2012. Sau ngày cưới vợ chồng sống với cha mẹ ruột chị tại ấp Đ, xã An Q, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, nguyên nhân do anh L thường xuyên uống rượu về nhà chửi mắng vợ con, tuy được cha mẹ h bên khuyên can nhưng anh L vẫn không thay đổi, nên chị cảm thấy

sống chung với anh L không được nữa, do đó chị đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn với anh L vào khoảng tháng 4 năm 2018, được Tòa án thụ lý giải quyết anh L làm tờ cam kết hứa thay đổi tính tình nên chị rút đơn khởi kiện lại, sau khi rút đơn về anh L vẫn không thay đổi thường xuyên uống rượu tiếp tục chửi mắng vợ con. Nay chị nhận thấy anh L tính nào tật đó, không thể thay đổi được sống chung không có hạnh phúc, chị đã chịu đựng gần suốt 20 năm từ lúc con còn nhỏ đến nay con cũng đã trưởng thành, nay chị không thể chịu đựng được nữa nên chị cương quyết tiếp tục làm đơn yêu cầu xin được ly hôn với anh L, con chung tên La Thị Trúc L, sinh ngày 15/6/1996, nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự kh ngày 14/8/2018 và các biên bản hoà giải tại Tòa án cũng như tại phiên toà hôm nay bị đơn anh La Văn L trình bày : Về thời gian kết hôn và chung sống, con chung anh thống nhất như lời trình bày của chị H; về tài sản chung và nợ chung không có; về nguyên nhân mâu thuẫn anh thống nhất như lời trình bày của chị H, có lúc do anh say rượu, cũng có nhiều lần anh về chửi mắng vợ con, nay anh đã sửa đổi mong chị H bỏ qua để về đoàn tụ gia đình, vì vậy với yêu cầu ly hôn của chị H, anh không đồng ý, vì anh còn thương vợ, thương con, anh sẽ từ từ sửa đổi, giảm bớt uống rượu lại để tạo dựng hạnh phúc gia đình về sau.

Những tình tiết các đương sự thống nhất và không phải chứng minh:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh La Văn L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, có giao nộp cho Tòa án bản sao trích lục kết hôn số 58/2012 ngày 17/4/2012 tại UBND xã An Q.

- Về con chung: La Thị Trúc L, sinh ngày 15/6/1996 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Chị H và anh L thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết.

Những vấn đề các đương sự không thống nhất được:

Về hôn nhân: Chị H yêu cầu được ly hôn với anh L, anh L không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh La Văn L có nơi cư trú trên địa bàn huyện T, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của chị Trần Thị H khởi kiện xin ly hôn với anh La Văn L, về con chung La Thị Trúc L, sinh ngày 15/6/1996 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết, về tài sản và nợ chung: Chị H và anh L thống nhất không

có, không yêu cầu giải quyết, nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về sự có mặt của các đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đều có mặt, chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy giữa chị Trần Thị H và anh La Văn L chung sống có đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định hôn nhân của chị H và anh L là hợp pháp.

Quá trình chung sống theo chị H trình bày giữa chị và anh L luôn bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường hay cự cãi với nhau và do anh L thường hay uống rượu về chửi mắng vợ con, không lo làm ăn, chị đã chịu đựng trong suốt thời gian qua vì con còn nhỏ, đến nay con đã trưởng thành, chị không thể chịu đựng được nữa nên cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh L, còn anh L thì thừa nhận trong quá trình chung sống với chị H, anh có thường hay uống rượu và đôi lúc dùng lời lẽ xúc phạm đến chị H, nay anh mong chị H bỏ qua để đoàn tụ gia đình và anh hứa sau này sẽ giảm bớt việc uống rượu. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh L mâu thuẫn nhau trầm trọng, thể hiện qua những lần hoà giải tại Tòa án, chị H vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh L, mặc dù anh L vẫn cố gắng để vợ chồng hàn gắn nhưng giữa h vợ chồng không có cùng tiếng nói chung, chị H không còn thương yêu anh L nữa, giữa chị H và anh L không quan tâm chăm sóc nhau, chị H và anh L tuy h người vẫn sống chung máy nhà nhưng hiện nay chị H đã bỏ anh L lên Thành phố Hồ Chí Minh làm thuê, anh L thì ở quê nhà, mỗi người sống một nơi, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do đó yêu cầu của chị H xin được ly hôn với anh L là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 55, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, riêng anh L xin được đoàn tụ nhưng xét thấy trong quá trình hoà giải, Thẩm phán đã tạo điều kiện kéo dài thời gian để anh L thuyết phục chị H rút đơn khởi kiện lại nhưng trong khoảng thời gian đó anh L không những không thuyết phục được chị H mà vẫn thường xuyên uống rượu, không thay đổi được và anh cũng đã thừa nhận có uống rượu và tiếp tục có lời lẽ xúc phạm với chị H, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin được đoàn tụ của anh L.

-Về con chung: La Thị Trúc L, sinh ngày 15/6/1996 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

-Về tài sản và nợ chung: chị H và anh L thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và các Điều 271, 273, 277, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 53; 54; 56; 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh La Văn L.

Về con chung: La Thị Trúc L, sinh ngày 15/6/1996 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị H và anh La Văn L thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng), buộc chị Trần Thị H phải nộp. Căn cứ biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013953 ngày 03/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thì chị H đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, chị H không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Thanh

